

Số: **39/2026/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 942/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình:

- **Anh Nguyễn Văn T**, sinh ngày 21/03/1987

HKTT và nơi ở: KDC số G P, phường C, thành phố Hải Phòng

- **Chị Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 13/06/1987

HKTT: Phòng 1509 tòa nhà XP Homes Star, Tân Tây Đô, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 6, ngõ 123 Trần Đăng Ninh, tổ 8, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2013 tại UBND phường P, thị xã C, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh T và chị T1 chung sống hạnh

phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T và chị T1 cùng thỏa thuận thuận tình ly hôn. Anh T, chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/12/2013. Anh T và chị T1 thỏa thuận và thống nhất: Sau khi ly hôn, chị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo N. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 29 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/12/2013. Anh T và chị T1 thỏa thuận và thống nhất: Sau khi ly hôn, chị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo N. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung,

không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T1 xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện nộp cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh T đã nộp 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình (*Biên lai số: 0021673 ngày 29/12/2025*) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội. Xác nhận anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4- Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Thảo